

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/KDTM-PT

Ngày: 03/02/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công
nội thất

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Ông Lê Thọ Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29/01 và ngày 03/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thương mại thụ lý số 369/2025/KDTM-PT ngày 10/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công nội thất”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 85/2025/KDTM-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7697/2025/QĐPT-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 848/2026/QĐ-HPT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH P

Trụ sở: 90/21/5 Đường số 10, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Thanh T; địa chỉ: A05.03 Tòa nhà Republic Plaza, số 18E C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng uỷ quyền ngày 25/4/2023)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Trang trí nội thất D

Trụ sở: Số 43/46/17/17 Vườn Lài, khu phố 4, phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc T; địa chỉ: 43/46/17/17 Vườn Lài, khu phố 4, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Gia N; địa chỉ: TTTM-CH Lan Phương, đường 11, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2 Bà Phạm Thị Kim Vi; địa chỉ: A18/24 khu phố Bình Thuận 2, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Công ty TNHH P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện nộp ngày 24/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P do ông Đào Quang H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24 tháng 4 năm 2022, Công ty TNHH trang trí nội thất D- Ptdecor (gọi tắt là Công ty D) ký kết Hợp đồng thi công nội thất với bà Phan Thị Kim Viên. Địa điểm thi công: Nhà số 64, đường số 36, khu dân cư Vạn Phúc, Quốc lộ 13, thành phố Thủ Đức (nay là phường Hiệp Bình), Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Nhà số 64). Sau đó, Công ty D liên hệ Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) để thi công một số hạng mục của công trình theo hợp đồng thi công số 01/HĐTC/TT-P xác lập ngày 05/5/2022 giữa Công ty D và Công ty P với các nội dung cơ bản như sau: "*Công ty D đồng ý giao, Công ty P đồng ý nhận: Thi công lắp đặt nội thất theo bản vẽ thiết kế do Công ty D cung cấp*". Địa điểm thi công: Nhà số 64, đường số 36, Khu dân cư Vạn Phúc, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng trước thuế: 740.000.000 đồng. Hình thức thanh toán đợt 1 sau khi ký kết hợp đồng, Công ty D tạm ứng cho Công ty P 30% tổng giá trị hợp đồng trước thuế số tiền 222.000.000 đồng. Đợt 2 Công ty D tạm ứng cho Công ty P 40% sau khi tiến hành vận chuyển đồ gỗ lên công trình số tiền là 296.000.000 đồng. Đợt 3 Công ty D thanh toán cho Công ty P 20% sau khi Công ty P lắp đặt, bàn giao xong toàn bộ đồ nội thất số tiền là 148.000.000 đồng. Đợt 4 Công ty D thanh toán cho Công ty P 10% sau khi nghiệm thu số tiền là 74.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty D đồng ý và tiến hành thanh toán đợt 1 vào ngày 05/5/2022 cho Công ty P với số tiền là 200.000.000 đồng. Công ty P tiến hành thi công lắp đặt nội thất theo bản vẽ thiết kế do Công ty D cung cấp. Ngày 16/7/2022, Công ty D thanh toán tiền đợt 2 và số tiền tạm ứng đợt 1 còn thiếu với tổng số tiền là 318.000.000 đồng. Sau đó, Công ty P tiếp tục thi công lắp đặt và hoàn thành công trình. Ngày 07/9/2022, Công ty P đã gửi bản quyết toán và yêu cầu Công ty D thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng thi Công ty D từ chối và không thanh toán cho Công ty P. Tổng giá trị công trình là 769.540.080 đồng. Tổng số tiền Công ty D đã thanh toán cho Công ty P là 518.000.000 đồng. Số tiền Công ty D còn nợ Công ty P sau

khi tổng kết và quyết toán công trình là 204.538.076 đồng, chi phí phát sinh số tiền 15.461.924 đồng, tổng cộng là 222.000.000 đồng. Nay Công ty P yêu cầu Công ty D thanh toán một lần số tiền là 222.000.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày 10/9/2025 theo mức lãi suất 10%/năm số tiền 66.600.000 đồng, tổng cộng là 288.600.000 đồng.

2. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trang trí nội thất D (tên viết tắt là Ptdecor) do ông Trần Ngọc Thành là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 05/5/2022, Công ty D và Công ty P xác lập hợp đồng thi công nội thất để thi công công trình nhà số 64 với nội dung hợp đồng như phía nguyên đơn trình bày. Công ty D đã thanh toán cho Công ty P đợt 1 và đợt 2 với tổng số tiền là 518.000.000 đồng. Công ty P đã tiến hành thi công các hạng mục công trình theo bản vẽ thiết kế của Công ty D cung cấp. Đến ngày 15/9/2022, giữa ông Trần Ngọc Thành và một số nhân viên của Công ty P đã xảy ra xô xát đánh nhau tại công trình (sự việc đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức thụ lý giải quyết về tin báo, tố giác tội phạm và đã được xử lý). Kể từ ngày 15/9/2022 Công ty P không tiếp tục thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận. Do Công ty P bỏ ngang không thi công nữa nên Công ty D phải ký kết hợp đồng với ông Lê Gia Ngộ để thi công phần còn lại của công trình theo hợp đồng thi công số 02/HĐTC/TT/NHT ngày 20/9/2022. Việc Công ty P không tiếp tục thi công phần còn lại của công trình đã gây chậm trễ tiến độ thi công và buộc Công ty D phải ký hợp đồng với bên thứ ba để thi công các hạng mục chưa thi còn lại công của công trình. Do đó, Công ty D không đồng ý thanh toán phần tiền còn lại cho Công ty P.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Gia Ngộ trình bày tại bản tường trình đề ngày 01/3/2024 như sau:

Ông được ông Trần Ngọc Thành liên hệ để thực hiện phần công việc lắp đặt nội thất còn lại của công trình nhà số 64 theo Hợp đồng thi công số 02/HĐTC/TT/NHT ngày 20/9/2022. Sau khi ký hợp đồng, ông Ngộ đã hoàn thành tất cả các hạng mục nội thất của công trình như thỏa thuận trong hợp đồng. Đồng thời hai bên đã tiến hành nghiệm thu công trình và bàn giao theo đúng tiến độ, ông Trần Ngọc Thành đã thanh toán đầy đủ số tiền theo đúng thỏa thuận.

3.2 Bà Phan Thị Kim Viên trình bày như sau: Ngày 24/4/2022, bà và ông Trần Ngọc Thành ký kết hợp đồng thi công nội thất công trình nhà số 64. Ông Thành đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu đã ký kết tại hợp đồng thi công công trình nêu trên, đã bàn giao công trình đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng như các bên đã thỏa thuận. Khi xảy ra sự việc xô xát bà có nghe và xem lại camera, sau đó thì có đơn vị khác vào làm thay cho Công ty P, sau đó đại diện Công ty P có liên hệ với bà để hoàn thiện nốt phần công việc còn lại, tuy nhiên bà không đồng ý vì bà không ký hợp đồng với Công ty P.

4. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P về việc buộc Công ty TNHH Trang trí nội thất D (tên viết tắt là Ptdecor) phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 288.600.000 đồng, bao gồm tiền thi công (tiền gốc) là 222.000.000 đồng và tiền lãi 66.600.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 7 nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty P đề ngày 10/9/2025 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Công ty P xác định lại yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thanh toán đợt 3 là 133.000.000 đồng và không yêu cầu bị đơn thanh toán đợt 4, tiền lãi chậm trả; xác định lại yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 2, 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền đợt 3 là 133.000.000 đồng. Hủy và đình chỉ đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

[1.1] Bản án sơ thẩm số 85/2025/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thành phố Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 10/9/2025. Ngày 15/9/2025, Tòa án nhân dân thành Khu vực 7 nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH P với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại

toàn bộ bản án sơ thẩm số 85/2025/KDTM-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận về thời hạn.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty P khởi kiện bị đơn Công ty D về hợp đồng xây dựng, các bên là pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên được xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, cụ thể là “Tranh chấp về hợp đồng thi công nội thất”; bị đơn có trụ sở tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 7 thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH P về yêu cầu bị đơn thanh toán tiền đợt 3:

[2.1] Xét Hợp đồng 01/HĐTC/TT-PICHOUSE xác lập ngày 05/5/2022 giữa Công ty D và Công ty P: Căn cứ vào sự thừa nhận của các bên, có cơ sở để xác định Công ty P nhận thi công lắp đặt nội thất cho Công ty D tại địa điểm công trình là Nhà số 64, đường số 36, Khu đô thị, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (do bà Phạm Thị Kim V là chủ nhà); giá trị hợp đồng là 740.000.000 đồng (chưa thuế VAT); đợt 1 tạm ứng 30%, đợt 2 tạm ứng 40%, đợt 3 thanh toán 20% và đợt 4 thanh toán 10%. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên hợp đồng có giá trị pháp lý, phát sinh hiệu lực và ràng buộc các bên có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2] Xét nghĩa vụ thanh toán tiền đợt 3 với số tiền 133.000.000 đồng của bị đơn:

Quá trình thực hiện hợp đồng, giữa người đại diện theo pháp luật của Công ty D và nhân viên của Công ty P phát sinh mâu thuẫn nên Công ty P ngưng thi công tại Nhà 64 từ ngày 15/9/2025. Phía bị đơn cho rằng do phía nguyên đơn tự ý ngưng thi công khi chưa hoàn thiện xong các hạng mục mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng nên bị đơn phải yêu cầu bên thứ 3 là ông Lê Gia Ngộ tiếp tục thực hiện các hạng mục chưa thực hiện. Do đó, bị đơn không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn đợt thanh toán thứ 3 là 20% giá trị hợp đồng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì đợt 3 là đợt thanh toán 20% tương ứng với số tiền 148.000.000 đồng sau khi nguyên đơn thực hiện xong công việc và bàn giao cho bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đợt 3 là 133.000.000 đồng.

Căn cứ nội dung tin nhắn zalo giữa nguyên đơn và ông Trần Ngọc T (người đại diện theo pháp luật của bị đơn) vào các ngày 13 và 15/9/2022 (bút lục 72, 73) thể hiện: nguyên đơn đề nghị bị đơn cho thợ qua công trình chỉnh cánh và tạm ứng tiền đợt 3 thì được bị đơn thông báo việc xảy ra xô xát với thợ của nguyên đơn và

tuyên bố không cho nguyên đơn tiếp tục thi công, không trả tiền. Như vậy có cơ sở để xác định phía nguyên đơn đã thực hiện lắp đặt xong các hạng mục nhưng cần chỉnh sửa để bàn giao nhưng bị đơn không cho nguyên đơn tiếp tục làm việc và không nghiệm thu cho nguyên đơn chứ không phải nguyên đơn tự ý không tiếp tục thi công. Việc nguyên đơn không được tiếp tục thi công cũng phù hợp với lời khai của chủ nhà là bà Viên tại bản tự khai là bà không đồng ý cho Công ty P vào nhà để thi công do không ký kết hợp đồng trực tiếp với Công ty P.

Mặt khác, đối chiếu Hợp đồng thi công số 01 và Hợp đồng thi công mà bị đơn đã ký kết với ông N thể hiện ông N chỉ làm lại các công việc mà phía nguyên đơn đã làm chứ không phải thi công mới như: sơn lại và thay 08 cánh cong vênh tủ rượu, thay kệ ti vi, thay lại kệ rượu (Phòng khách + bếp); thay lại toàn bộ cánh tủ áo phòng ngủ (Phòng ngủ khách); thay lại toàn bộ khung cánh bano, kính tủ áo, sơn lại toàn bộ thùng tủ áo (Phòng ngủ master); sơn lại tủ áo quần và tủ sách (Phòng con trai, phòng con gái và phòng sinh hoạt chung). Các công việc sơn lại và thay mới lẽ ra phía bị đơn phải có thông báo cho phía nguyên đơn có nghĩa vụ thực hiện nếu nguyên đơn thi công không đúng với bản vẽ thiết kế. Việc bị đơn nêu lý do nguyên đơn tự ngừng thi công nên đã thuê đơn vị khác làm để từ chối không thanh toán tiền đợt 3 cho nguyên đơn là không đúng. Như vậy, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền thanh toán đợt 3 theo yêu cầu nguyên đơn là 133.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng đã thừa nhận cần chỉnh sửa lại nội thất nhưng chưa thực hiện được và thực tế chủ nhà là bà Viên xác nhận ông Ngô có đến công trình để thực hiện các công việc liên quan đến nội thất mà phía nguyên đơn đã thi công, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ chấp nhận cho nguyên đơn 50% giá trị thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn là $133.000.000 \text{ đồng} \times 50\% = 66.500.000 \text{ đồng}$.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn không có chứng cứ để chứng minh đã hoàn thành xong công việc theo hợp đồng, và căn cứ hợp đồng thi công bị đơn đã ký kết với ông Lê Gia Ngô thể hiện các công việc tương ứng với đợt thanh toán 3 nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với một phần số tiền thi công và tiền lãi chậm trả, tổng cộng là 155.600.000 đồng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung này.

[3] Từ các phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5] Về án phí

[5.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận.
- Bị đơn chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

[5.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do sửa bản án nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 85/2025/KDTMST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trang trí nội thất D trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P số tiền 66.500.000 đồng (sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

1.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P về nội dung yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trang trí nội thất D thanh toán số tiền 155.600.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), bao gồm tiền thi công là 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng) và tiền lãi là 66.600.000 đồng (sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

1.3 Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải chịu án phí là 3.325.000 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.295.452 đồng (năm triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0005877 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty Trách nhiệm hữu hạn P được nhận lại số tiền 1.970.452 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng)

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn trang trí nội thất D phải chịu án phí là 3.325.000 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P không phải chịu. Công ty Trách nhiệm hữu hạn P được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai nộp án phí phúc thẩm 0019194 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 7, TP.HCM;
- THADS TP.HCM
- Phòng THADS Khu vực 7, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh